

Số: *75* /BC-UBND

Quảng Trị, ngày *29* tháng 7 năm 2011

BÁO CÁO TÓM TẮT
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM 2006 - 2010;
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2011 - 2015

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM 2006 - 2010

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV và Nghị quyết số 7.3/2006/NQ-HĐND ngày 22/07/2006 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010; UBND tỉnh đã xây dựng các chương trình, đề án, các chính sách trình Tỉnh ủy, HĐND tỉnh thông qua; đồng thời tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện hoàn thành cơ bản các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu đã đề ra trong Kế hoạch 5 năm 2006-2010 của tỉnh; cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM 2006 - 2010:

Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong 5 năm 2006 - 2010 có những chuyển biến tích cực, khá toàn diện và cơ bản đạt mục tiêu đề ra. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện. Phát triển kinh tế gắn với giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội và tiến bộ xã hội. Cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường được quan tâm và có chuyển biến tích cực. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; quốc phòng - an ninh được giữ vững.

I. Nhiều chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra:

a. Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân trong 5 năm 2006 - 2010 đạt 10,8% (KH là 11-12%); trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 20,1% (KH là 25%), nông nghiệp tăng 3,5% (KH là 4%), dịch vụ tăng 8,5%.

- GDP bình quân đầu người đến năm 2010 đạt khoảng 16,5 triệu đồng (tương đương 849 USD), tăng 2,8 lần so với năm 2005.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; tính đến cuối năm 2010 tỷ trọng công nghiệp - xây dựng chiếm 35,8%, nông nghiệp chiếm 28,4%, dịch vụ chiếm 35,8% (KH đến năm 2010 các ngành tương ứng là 33 - 35%, 25 - 27%, 38 - 40%).

- Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã năm 2010 đạt 76%, đạt mục tiêu kế hoạch (KH đến năm 2010 là 75-80%).

- Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục THCS đến năm 2010 đạt 100%, đạt mục tiêu kế hoạch (KH đến năm 2010 là 100%).

c. Về môi trường:

- Tỷ lệ che phủ rừng đến cuối năm 2010 đạt 46,7%, vượt mục tiêu kế hoạch đề ra (KH đến năm 2010 là 43%).

- Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch năm 2010 đạt 80%, bằng 84,2% mục tiêu kế hoạch (KH đến năm 2010 là 95%).

- Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đến năm 2010 đạt 81%, vượt mục tiêu kế hoạch đề ra (KH đến năm 2010 là 75%).

2. Tiềm lực kinh tế của tỉnh được tăng lên đáng kể

a. Tăng trưởng kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 10,8%, cao hơn các giai đoạn trước¹. Tổng sản phẩm trên địa bàn (giá SS) năm 2010 đạt 3.008 tỷ đồng, tăng gấp 1,66 lần so với năm 2005.

Tăng trưởng của các ngành kinh tế đã có nhiều chuyển biến khá tích cực:

- Sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp phát triển khá toàn diện theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; giá trị sản xuất toàn ngành tăng bình quân 3,5%/năm. An ninh lương thực được đảm bảo², bình quân lương thực đầu người đạt 372 kg. Bộ mặt nông thôn ngày càng khởi sắc; đời sống mọi mặt của người dân không ngừng được cải thiện.

- Sản xuất công nghiệp đóng góp ngày càng lớn cho nền kinh tế. Giá trị sản xuất của ngành công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 20,6%/năm (KH: 25%).

- Thương mại - dịch vụ có bước chuyển biến tích cực. Tốc độ tăng trưởng của ngành bình quân 5 năm đạt 8,5%/năm. Hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị và mạng lưới phân phối hàng hoá cơ bản đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa, phục vụ tiêu dùng của người dân.

b. Về đầu tư phát triển kinh tế - xã hội:

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm đạt 17.446 tỷ đồng, gấp 3 lần so với 5 năm trước, tăng bình quân hàng năm 18,7%; trong đó, vốn ngân sách nhà nước là 6.534 tỷ đồng, chiếm 37,5% và đạt tốc độ tăng bình quân hàng năm 31,5%/năm.

¹ Bình quân giai đoạn 1991-1995 tăng 6,2%/năm, giai đoạn 1996-2000 tăng 8,5%, giai đoạn 2001-2005 tăng 8,7%.

² Sản lượng lương thực có hạt đạt trên 22,2 vạn tấn/năm, tăng từ 20,5 vạn tấn năm 2005 lên 22,4 vạn tấn năm 2010.

vốn NGO thu hút trong giai đoạn 2006 - 2010 đạt khoảng 500 tỷ đồng để thực hiện các hoạt động về xoá đói giảm nghèo, rà phá bom mìn, tăng cường năng lực và phòng chống, giảm nhẹ thiên tai.

3. Văn hoá, xã hội có những tiến bộ trên nhiều mặt, chất lượng cuộc sống của người dân tiếp tục được cải thiện:

a. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa:

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo được đầu tư phát triển toàn diện. Mạng lưới trường học được phân bố hợp lý; đến nay toàn tỉnh có 324 trường học phổ thông, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề⁴; đã thành lập Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị. Cơ sở vật chất phục vụ dạy và học được quan tâm đầu tư; số trường học đạt chuẩn quốc gia và tỷ lệ trường học được cao tầng hoá, kiên cố hoá tăng nhanh. Chất lượng giáo dục được chú trọng nâng cao. Chủ trương xã hội hóa lĩnh vực giáo dục - đào tạo được triển khai tích cực.

b. Đẩy mạnh công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân:

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng được cải thiện. Mạng lưới y tế cơ sở bước đầu được củng cố và nâng cấp, cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị y tế được chú trọng đầu tư; 100% xã, phường, thị trấn có trạm y tế; 76% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế; 56% xã, phường, thị trấn có bác sĩ. Số giường bệnh trên một vạn dân năm 2010 đạt 24,5 giường; có 07 bác sỹ/vạn dân, tăng 1,4 lần so với năm 2005. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi giảm từ 25,9% năm 2005 xuống còn dưới 20% năm 2010; tỷ lệ trẻ em được tiêm đầy đủ 6 loại vắc-xin hàng năm đạt trên 98,5%. Công tác phòng chống dịch bệnh được quan tâm và thực hiện có hiệu quả.

c. Lao động, việc làm và xoá đói giảm nghèo:

Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động được quan tâm, bình quân mỗi năm giải quyết việc làm mới cho hơn 8.500 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 32% năm 2010; trong đó: đào tạo nghề đạt 26%. Chương trình mục tiêu Giảm nghèo của lĩnh vực giai đoạn 2006 - 2010 được triển khai có hiệu quả. Đề án xây dựng nhà ở cho đồng bào nghèo dân tộc thiểu số theo Nghị quyết của HĐND tỉnh triển khai có hiệu quả với 5.385 nhà được xây dựng. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2010 còn 12%; mức giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt 3,3%/năm. Các chính sách an sinh xã hội được quan tâm thực hiện tốt.

d. Thực hiện các mục tiêu về văn hóa, xã hội:

Phong trào „Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa cơ sở” được đẩy mạnh và nâng cao về chất lượng. Đến nay toàn tỉnh có 1.616 làng, bản, đơn vị được công nhận là đơn vị văn hoá, chiếm 81,1% trong tổng số làng, bản, đơn vị (KH: 80%) và 119.786 gia đình được công nhận là gia đình văn hoá chiếm

⁴ Trong đó: 162 trường tiểu học, 111 trường trung học cơ sở, 31 trường phổ thông trung học, 18 trường tiểu học và trung học cơ sở, 2 trường Trung học cơ sở và Phổ thông trung học; 01 trường Cao đẳng, 5 trường THCN và dạy nghề và 6 trung tâm dạy nghề tổng hợp.

phát triển. Các công trình quan trọng như cảng biển, sân bay đang ở giai đoạn qui hoạch nên ảnh hưởng rất lớn đến thu hút đầu tư phát triển trên địa bàn.

- Thu ngân sách trên địa bàn 5 năm qua có nhiều tiến bộ vượt bậc nhưng chỉ đáp ứng được 21% nhu cầu chi của tỉnh; phần còn lại dựa vào nguồn cân đối của Trung ương; tỷ lệ tích lũy trong dân còn thấp; thu hút vốn FDI đạt thấp (chiếm tỷ trọng 1,6% tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội);

- Quy mô công nghiệp nhỏ, chưa có sản phẩm mũi nhọn đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Nông nghiệp phát triển thiếu bền vững, hiệu quả sử dụng đất canh tác chưa cao, thủy sản phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh. Thương mại - dịch vụ chưa tạo chuyên dịch lớn trong cơ cấu kinh tế;

- Ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn chế; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; lực lượng cán bộ, công chức vừa thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng.

- Một số vấn đề xã hội còn bức xúc như: tỷ lệ hộ nghèo còn cao so với mức bình quân cả nước, kết quả xoá đói giảm nghèo còn thiếu bền vững; tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng còn cao; các tệ nạn xã hội vẫn còn diễn biến phức tạp.

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM:

Qua 5 năm tổ chức thực hiện Kế hoạch 2006-2010; từ những kết quả đạt được cũng như những tồn tại, hạn chế, có thể rút ra các bài học kinh nghiệm chủ yếu như sau:

Một là, sự thống nhất trong lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng; sự quản lý, điều hành có hiệu lực, hiệu quả của Chính quyền các cấp; sự phối hợp hành động của Mặt trận và các tổ chức đoàn thể là yếu tố quyết định để thực hiện thành công Kế hoạch 5 năm 2006-2010 của tỉnh.

Hai là, phát huy hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; tập trung cải thiện môi trường đầu tư nhằm phát huy nội lực của nền kinh tế, đồng thời tranh thủ tối đa sự ủng hộ, giúp đỡ của Trung ương; các tỉnh, thành phố; các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước vào đầu tư phát triển.

Ba là, tăng cường hoạt động đối ngoại, mở rộng hợp tác kinh tế trong và ngoài nước nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đặc biệt là lợi thế của tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây.

Bốn là, trong điều kiện khó khăn, cần xác định rõ vùng trọng điểm, ngành mũi nhọn để tập trung các nguồn lực phát triển, tạo động lực thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế phát triển.

Năm là, phải đổi mới tư duy quản lý nhà nước; xác định rõ những lĩnh vực nhà nước phải làm, những lĩnh vực cần xã hội hoá để mang lại hiệu quả; phải thay đổi cách nghĩ đối với giới doanh nghiệp, nhà đầu tư từ đối tượng quản lý sang là đối tượng phục vụ của nền hành chính công.

- Phần đầu đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi vào năm 2013.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm xuống dưới 17%.

- Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch ở thành thị trên 95%; sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn đạt 90%.

- Phần đầu đến năm 2015 có trên 15% số xã đạt tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới.

- Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt xấp xỉ 50%.

- Giảm tỷ lệ lao động trong lĩnh vực Nông - Lâm - Ngư nghiệp năm 2015 xuống còn 52 - 53% lao động xã hội.

- Thu nhập người dân nông thôn năm 2015 gấp 2 lần so với năm 2010.

- Tuổi thọ trung bình của người dân năm 2015 đạt 74 tuổi.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC:

1. Lĩnh vực kinh tế.

- Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bền vững, có khả năng cạnh tranh cao. Phần đầu tốc độ tăng giá trị của ngành nông nghiệp đạt 3,5 - 4%/năm; giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân 4-4,5%/năm. Phần đầu đến năm 2015 có trên 15% số xã đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp - xây dựng theo hướng hiện đại, gắn với bảo vệ môi trường. Phần đầu tốc độ tăng giá trị công nghiệp - xây dựng bình quân 5 năm đạt 18 - 19%/năm. Giá trị sản xuất (giá cố định 1994) tăng trưởng bình quân đạt 20 - 21%/năm; trong đó giá trị sản xuất ngành công nghiệp đạt 20 - 21%/năm, ngành xây dựng đạt 21- 22%/năm.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả các loại hình dịch vụ, tạo bước phát triển mạnh ngành du lịch, tốc độ tăng trưởng giá trị thương mại, dịch vụ, du lịch bình quân đạt từ 10 - 11%/năm.

- Phát triển đa dạng các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp, tạo môi trường bình đẳng, phù hợp quy định của pháp luật, tạo điều kiện cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phát triển theo quy hoạch. Phần đầu 5 năm 2011- 2015 số doanh nghiệp thành lập mới khoảng 1.200 - 1.500 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký khoảng 5.500 - 6.000 tỷ đồng.

- Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Phần đầu huy động tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm 2011 - 2015 đạt trên 45 nghìn tỷ đồng.

- Phát triển hài hoà giữa các vùng đồng bằng, miền núi, ven biển; giữa đô thị và nông thôn; phát huy được lợi thế của từng vùng, đồng thời tạo được sự liên kết không gian chặt chẽ trong phát triển.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp, các cơ quan bảo vệ pháp luật, các đoàn thể chính trị, tổ chức chính trị xã hội và xã hội nghề nghiệp. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng cải cách hành chính và cải cách tư pháp.

- Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành thực hiện của Ủy ban nhân dân các cấp gắn với đẩy mạnh phân cấp, giao quyền. Khuyến khích tính chủ động, sáng tạo và tự chịu trách nhiệm của chính quyền và cơ quan cấp dưới.

- Tăng cường công tác giám sát, tạo cơ chế để nhân dân giám sát các công việc có liên quan đến ngân sách, tài sản của Nhà nước; nâng cao hiệu quả của các cơ quan, của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, nhân dân và các cơ quan thông tin đại chúng trong việc phát hiện, phản biện, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

4. Công tác đối ngoại.

- Tăng cường hoạt động đối ngoại, chủ động quan hệ hợp tác khu vực và quốc tế; đẩy mạnh ngoại giao kinh tế; kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại chính trị, đối ngoại về kinh tế, văn hoá và đối ngoại về quốc phòng - an ninh, tạo thế chủ động trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ và an ninh quốc gia.

- Phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao của Nhà nước và đối ngoại nhân dân. Giữ vững và phát huy các mối quan hệ hữu nghị và hợp tác truyền thống; tích cực mở rộng phạm vi quan hệ hợp tác với các địa phương trong nước và các nước trên thế giới, nhất là các nước trong khu vực ASEAN, nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư, mở rộng thị trường và bảo vệ an ninh biên giới, biển đảo.

5. Đảm bảo quốc phòng - an ninh.

Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; giữ vững chủ quyền và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, đảm bảo an ninh chính trị, ổn định trật tự an toàn xã hội; gắn kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH:

Bên cạnh việc tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhóm giải pháp cụ thể của các ngành, lĩnh vực theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, tỉnh cần tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

1. Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quy hoạch, kế hoạch.

Tập trung tổ chức thực hiện tốt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2020 và của các huyện, thành phố, thị xã; quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển các ngành, sản phẩm chủ yếu đã được phê duyệt để

Huy động vốn bằng phương thức kết hợp Nhà nước và nhân dân cùng làm. Phát huy ý chí tự lực, tự cường, thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm để xây dựng cơ sở hạ tầng.

Cải thiện môi trường pháp lý, xây dựng các chính sách đầu tư hấp dẫn thu hút các nguồn vốn bên ngoài. Tranh thủ và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư của TW và các Bộ, Ngành, vốn tín dụng Nhà nước và các chương trình mục tiêu, vốn FDI, ODA và NGO để đầu tư vào các lĩnh vực then chốt, vừa đầu tư kết cấu hạ tầng, vừa đẩy mạnh thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế khác.

Đẩy mạnh cải cách hành chính trong các lĩnh vực đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong thực hiện các thủ tục liên quan đến hoạt động đầu tư theo đúng quy định của pháp luật, nhất là cấp giấy phép đầu tư; đồng thời tăng cường công tác giám sát, thúc đẩy xây dựng giải phóng mặt bằng, hỗ trợ xây dựng hạ tầng tạo điều kiện cho các nhà đầu tư sớm triển khai dự án.

3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp nâng cao trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực. Chú trọng đào tạo đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật để đón đầu cung cấp nhân lực cho các chương trình, dự án trọng điểm của tỉnh, coi trọng công tác đào tạo nghề cho nông thôn. Xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực cân đối, phù hợp với mục tiêu chuyển đổi cơ cấu kinh tế và xu hướng phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh.

- Chú trọng đào tạo và đào tạo lại nâng cao năng lực, kiến thức chuyên môn, kỹ thuật, quản lý nhà nước, quản trị kinh doanh, hợp tác quốc tế, công nghệ thông tin cho lao động nhằm đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của quá trình phát triển.

- Có chiến lược xây dựng hệ thống các trường đào tạo nguồn lao động. Xúc tiến việc thành lập Trường Đại học kỹ thuật và mở rộng một số trường cao đẳng nhằm đào tạo những ngành nghề phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế của tỉnh. Xây dựng một số trường trung học chuyên nghiệp, trường đào tạo công nhân kỹ thuật, trường dạy nghề, trung tâm học tập cộng đồng, tạo điều kiện để mọi người dân được học tập nâng cao trình độ, nắm bắt công nghệ - kỹ thuật tiên tiến. Quan tâm đào tạo cán bộ kỹ thuật và quản lý cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đến đầu tư trên địa bàn gắn nhu cầu đào tạo lao động kỹ thuật với cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020".

- Phối hợp với các nhà khoa học, các viện nghiên cứu, các trường đại học trong và ngoài nước nghiên cứu những đề tài phục vụ thiết thực sản xuất và đời sống cũng như phát huy lợi thế của tỉnh. Coi trọng sử dụng người tài; thực hiện tốt chế độ đãi ngộ hấp dẫn để thu hút cán bộ giỏi, sinh viên giỏi ra trường về

- Xây dựng mối quan hệ thường xuyên, chặt chẽ giữa tỉnh với các Bộ, Ngành Trung ương; đồng thời tăng cường sự hợp tác với các tỉnh, thành trong cả nước.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, chủ động hội nhập kinh tế thế giới.

- Kêu gọi các nguồn viện trợ, tranh thủ sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế về nguồn vốn ODA, NGOs.

- Phát huy vai trò và huy động các nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài để phát triển đất nước.

7. Tiếp tục hoàn thiện thể chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, đa phương hóa, đa dạng hóa thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Phát triển mạng lưới thị trường một cách toàn diện gắn với thị trường nội địa, khu vực miền Trung, trong nước và thị trường thế giới.

- Đối với thị trường trong tỉnh, quan tâm mở rộng thị trường nông thôn; đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa của các vùng sâu, vùng xa và vùng khó khăn.

- Đối với thị trường trong nước, xác định được những sản phẩm hàng hóa có thế mạnh của tỉnh nhằm tạo được lợi thế cạnh tranh.

- Đối với thị trường nước ngoài, tăng cường công tác tiếp thị, triển lãm, quảng cáo các mặt hàng có tiềm năng xuất khẩu của tỉnh. Tăng cường tiếp xúc, tìm hiểu những yêu cầu về chủng loại, về số lượng, chất lượng, giá cả các mặt hàng xuất khẩu để có chiến lược phát triển thích hợp.

- Phát triển một số thị trường mới như thị trường lao động, thị trường tài chính. Hình thành một số công ty cho thuê tài chính, thuê tài sản cố định, trang thiết bị, máy móc... Tiếp tục thực hiện tốt đề án xuất khẩu lao động.

8. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước.

- *Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính*, đơn giản hóa thủ tục hành chính ở tất cả các cấp chính quyền và các Sở, Ban ngành. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy các cấp. Tăng cường hiệu lực chỉ đạo, điều hành gắn với đẩy mạnh phân công, phân cấp. Cải tiến, giảm bớt các cuộc họp, tăng cường công tác kiểm tra, xử lý vướng mắc ở cơ sở. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả mô hình "một cửa" ở tất cả các cơ quan đơn vị. Cung cấp các dịch vụ hành chính công trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; triển khai sử dụng phần mềm ứng dụng quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng Internet, tiến tới thực hiện Chính phủ điện tử.

- *Tiếp tục hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ và củng cố, kiện toàn cơ cấu tổ chức* các cơ quan hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp trong phân công và phù hợp với yêu cầu phân cấp quản lý.